

NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH QUỐC GIA - NHÌN TỪ GÓC ĐỘ CÔNG NGHỆ CỦA DOANH NGHIỆP

TS PHẠM CHÍ TRUNG

Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Văn phòng Quốc hội

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt, quốc gia nào, nền kinh tế nào có năng lực cạnh tranh cao sẽ có nhiều cơ hội để vươn lên thu hút đầu tư, tham gia và chi phối chuỗi cung ứng toàn cầu, hội nhập kinh tế quốc tế, đem về nhiều lợi nhuận cho quốc gia. Mặc dù so với năm 2013, năng lực cạnh tranh của chúng ta đã tăng hai bậc, nhưng nhìn vào nền kinh tế, các yếu tố được xếp hạng này vẫn còn ở mức độ thấp (mức độ sẵn sàng công nghệ xếp hạng 99/144 quốc gia). Trong khi đó, công nghệ là công cụ cạnh tranh then chốt, quyết định năng suất lao động, quyết định sự khác biệt sản phẩm trên các phương diện chất lượng, thương hiệu và giá cả. Để các doanh nghiệp Việt Nam đổi mới công nghệ thành công để sản xuất sản phẩm có chất lượng, có giá trị gia tăng cao, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, phụ thuộc rất nhiều vào sự quyết tâm của các doanh nghiệp cũng như sự tạo lập môi trường thể chế lành mạnh và minh bạch của Nhà nước.

Trình độ công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam hiện nay

Sau 8 năm (từ 2008) phải đối mặt với cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu cùng những “sóng gió” của nền kinh tế nội tại, doanh nghiệp Việt Nam vẫn không ngừng lớn mạnh về số lượng (cả nước hiện có gần 600.000 doanh nghiệp). Tuy nhiên, nếu xét về chất lượng, nhiều ý kiến cho rằng rất đáng lo ngại, bởi hiện có hơn 90% doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Theo Bộ Khoa học và Công nghệ, phần lớn các doanh nghiệp nhỏ và vừa đang sử dụng công nghệ tụt hậu so với mức trung bình của thế giới 2-3 thế hệ; có 76% máy móc, dây chuyền công nghệ nhập thuộc thế hệ những năm 60-70 của thế kỷ trước; 75% số thiết bị đã hết khấu hao; 50% thiết bị là đồ tân trang... Nhóm ngành sử dụng công nghệ cao mới đạt khoảng 20%, trong khi đó ở Singapore là 73%, Malaysia là 51% và Thái Lan là 31% (tiêu chí

để đạt trình độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa là trên 60%).

Tại thành phố Hồ Chí Minh, một đầu tàu kinh tế của Việt Nam, số lượng doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm 90% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động. Tuy nhiên, theo kết quả khảo sát tại 400 doanh nghiệp trên địa bàn cho thấy, chỉ có 13% trong số này có trình độ công nghệ từ trung bình khá trở lên, trong khi đó có tới 51% ở mức yếu.

Khảo sát của UNDP cũng cho thấy, tỷ lệ nhập khẩu công nghệ, thiết bị mỗi năm của các nước đang phát triển chiếm gần 40% tổng kim ngạch nhập khẩu, nhưng ở Việt Nam, tỷ lệ này chưa đến 10%. Còn theo khảo sát của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, trình độ công nghệ cũng như mức độ làm chủ công nghệ của các doanh nghiệp công nghiệp Việt Nam thuộc hàng thấp và chậm so với khu vực. Khoảng 30 năm trước, Thái Lan, Malaysia có trình độ phát triển tương đương Việt



Sản xuất phôi thép ở Việt Nam mới đạt 60% công suất thiết kế

Nam, nhưng hiện nay, các nước này đã vượt qua Việt Nam. Trong lĩnh vực dệt may chẳng hạn, công nghệ, thiết bị đã gần 15 tuổi, thuộc dạng phế thải của Hàn Quốc, nhưng một vài doanh nghiệp dệt may Việt Nam vẫn nhập về để sản xuất.

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các doanh nghiệp được phép trích 10% lợi nhuận trước thuế để đầu tư đổi mới công nghệ. Trong khi đó, theo khảo sát về tình hình sử dụng thiết bị công nghệ và tư vấn công nghệ của các doanh nghiệp Việt Nam do UNDP và Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương thực hiện tại 100 đơn vị ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, mức đầu tư cho đổi mới thiết bị - công nghệ chỉ chiếm 3% doanh thu cả năm.

Kết quả khảo sát của Tổ chức Hợp tác kỹ thuật Thụy Sĩ (Swiss Contact) và Tổ chức Hợp tác kỹ thuật Đức (GTZ) tiến hành trên 1.200 doanh nghiệp tại Việt Nam cho thấy, chỉ có khoảng 0,1% doanh nghiệp có sử dụng tư vấn khi đầu tư mua sắm công nghệ.

Một nghiên cứu cách đây không lâu đối với 63.000 doanh nghiệp trên cả nước cho thấy kết quả đáng lo ngại là 43% chủ doanh nghiệp có trình độ trung học trở xuống. Với trình độ này, việc tiếp cận và tìm hiểu các công cụ quản lý đối với họ rất khó khăn. Cũng có tới 63% doanh nghiệp đang vướng phải chuyện không tuyển dụng được người tài, 55% khó khăn trong việc giữ chân người giỏi...

Hệ quả của việc trình độ công nghệ trong doanh nghiệp thấp

Do hạn chế về trình độ công nghệ nên doanh nghiệp của Việt Nam rất khó tham gia những dự án lớn cũng như tham gia chuỗi cung ứng cho các tập

đoàn lớn để sản xuất và xuất khẩu. Đơn cử như năm 2013, kim ngạch xuất khẩu của Tập đoàn Samsung tại Việt Nam đạt hơn 23 tỉ USD, nhưng phải nhập khẩu nguyên phụ liệu trên 15 tỉ USD nên giá trị gia tăng đạt được chỉ khoảng hơn 7 tỉ USD mà phần lớn là các nhà cung ứng của Hàn Quốc và các nước khác có mặt ở Việt Nam cung ứng cho Samsung. Doanh nghiệp 100% vốn trong nước ít tham gia vào chuỗi cung ứng này.

Theo ông Phan Hữu Thắng, nguyên Cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), cả nước có hơn 300 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ nhưng phần lớn sản phẩm là các linh kiện, phụ tùng đơn giản, hàm lượng công nghệ thấp, còn các linh kiện khác đều phải nhập khẩu 100%. Trong số 100 nhà cung cấp linh kiện cho Samsung, hiện chỉ có 4-7 doanh nghiệp Việt Nam đủ năng lực và chỉ cung ứng sản phẩm in ấn, bao bì, còn những sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao hơn thì một vài doanh nghiệp Việt Nam tham gia nhưng phải qua các công ty trung gian và cũng chỉ là các đơn hàng nhỏ lẻ.

Ông Shim Won Hwan - nguyên Tổng giám đốc Samsung Việt Nam nhận định, thực tế công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam còn tương đối lạc hậu. Hiện nay doanh nghiệp Việt Nam chỉ cung ứng được sản phẩm in ấn, bao bì cho Samsung. Còn theo số liệu điều tra của Tổ chức JETRO (Nhật Bản) thì số linh kiện, nguyên phụ liệu nội địa cung ứng cho sản phẩm công nghiệp của Trung Quốc và Thái Lan chiếm 50-60%, của Việt Nam chỉ chiếm 27,8% giá trị sản lượng công nghiệp. Do vậy giá trị gia tăng của sản phẩm Việt Nam vẫn chỉ khiêm tốn ở con số từ 15 đến 30%.

Sự lạc hậu về công nghệ và kỹ thuật sẽ tạo ra chất lượng sản phẩm thấp, không ổn định và giá thành sản phẩm cao, năng suất lao động và hiệu quả sử dụng vốn thấp, hạn chế khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Theo ông Chu Đức Khải - Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hiệp hội thép Việt Nam, ngành thép đang ở thế phòng ngự là chính. Cả năm 2013, phần lớn các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất phôi thép chỉ đạt 60% công suất thiết kế, các sản phẩm khác chỉ có 40%, luyện gang được 30% công suất. So với Nga, nước có chi phí sản xuất thép thấp nhất thế giới thì chi phí sản xuất 1 tấn phôi của Việt Nam cao gấp 3 lần. Thép Việt Nam cũng đang cạnh tranh "vật vã" trước thép của một số nước.



Doanh nghiệp Việt Nam tham gia cung ứng bao bì cho Sam Sung

Ngành giày dép hiện có thế mạnh, mặc dù các doanh nghiệp đã tìm mọi cách để giảm phụ thuộc nguyên phụ liệu từ 80% xuống còn 60%, nhưng đến nay không ít doanh nghiệp vẫn lúng túng vì chưa thể chứng minh giá thành sản phẩm phù hợp với chất lượng. Tương tự, với ngành dệt may, nếu doanh nghiệp không hợp sức để đứng vào chuỗi giá trị toàn cầu, chắc chắn sẽ bị tuột mất cơ hội khi các hiệp định song phương và đa phương được ký kết trong thời gian tới.

Vừa qua, nghiên cứu của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) công bố cho thấy, năng suất lao động của Việt Nam năm 2013 thuộc nhóm thấp nhất châu Á - Thái Bình Dương (những nơi có thể thu thập số liệu) - thấp hơn Singapore gần 15 lần, thấp hơn Nhật 11 lần và Hàn Quốc 10 lần.

Hiệu quả sử dụng vốn và sức cạnh tranh của hàng hoá sản xuất tại Việt Nam thấp hơn, nên “thắng ít trên sân người” và “thua nhiều trên sân nhà”, hay “xuất khẩu hợ”... Trong 3 loại hình kinh tế, hệ số ICOR (incremental capital - output ratio) bình quân trong thời kỳ 2009-2012 của khu vực kinh tế nhà nước cao nhất (8,5 lần), của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài cao thứ hai (7,8 lần) và của khu vực ngoài nhà nước thấp nhất (4 lần), so với các quốc gia trong khu vực thì còn cao hơn nhiều.

Giải pháp đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp để tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia

Báo cáo của Ngân hàng thế giới mới đây cho thấy, trong vòng 20 năm qua, kinh tế Việt Nam tăng trưởng trung bình 5,7%/năm, cao thứ hai thế giới.

Nếu Việt Nam muốn bắt kịp những nền kinh tế như Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc) thì cần duy trì tốc độ tăng trưởng trung bình 9%/năm trong 20 năm tới, nếu giữ tốc độ tăng trưởng kinh tế 5-6%/năm thì Việt Nam sẽ nằm trong bẫy thu nhập trung bình.

Năm 2015 được xem là năm bản lề cho môi trường kinh doanh tại Việt Nam, đó là chúng ta cơ bản tự do hóa hoàn toàn thuế quan trong ASEAN, hướng đến hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC); Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - châu Âu (EVFTA) theo nguyên tắc có thể sẽ được ký kết và hoàn tất trong năm nay..., cánh cửa hội nhập quốc tế mở rộng hơn, cơ hội phát triển nhiều hơn nhưng sức ép cạnh tranh cũng sẽ đến nhanh hơn. Do vậy, nâng cao năng lực cạnh tranh là đòi hỏi tất yếu và cấp thiết đối với các doanh nghiệp của chúng ta, là nhiệm vụ “sống còn”, nhất là khi những vấn đề về chi phí đầu tư, năng suất lao động, chất lượng nguồn nhân lực đang khiến Việt Nam mất dần lợi thế. Vì lẽ đó, đổi mới công nghệ là một yêu cầu mang tính chiến lược để tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Do thấy được vai trò quan trọng của việc đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp nên đã có nhiều chính sách để thúc đẩy hoạt động này. Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 10.5.2011, trong đó có các mục tiêu như: đến năm 2020, số lượng doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ tăng trung bình 15%/năm, trong đó có 5% doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao; 100% doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia làm chủ và tạo ra được công nghệ tiên tiến để sản xuất sản phẩm.

Thủ tướng Chính phủ cũng đã có Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19.2.2013 phê duyệt đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020. Theo đó, đã nhấn mạnh mục tiêu: “*Hình thành và phát triển cơ cấu kinh tế hợp lý trên cơ sở cải thiện, nâng cấp trình độ phát triển các ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế; phát triển các ngành, lĩnh vực sử dụng công nghệ cao, tạo ra giá trị gia tăng cao từng bước thay thế các ngành công nghệ thấp, giá trị gia tăng thấp để trở thành các ngành kinh tế chủ lực*”.

Như vậy, để tồn tại và phát triển trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, các doanh nghiệp phải thường xuyên đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Bên cạnh những chính sách hỗ trợ của Chính phủ, bản thân doanh nghiệp cũng cần phải nhận thức rõ tầm quan trọng của đổi mới công nghệ và thêm vào đó là tinh thần dám nghĩ, dám làm. Có như vậy, tiến trình đổi mới công nghệ của doanh nghiệp mới đi đến thành công.

Hiện tại, chúng ta chưa có chế tài đủ mạnh để buộc các doanh nghiệp phải đầu tư cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới công nghệ nên tình hình đổi mới công nghệ tại doanh nghiệp diễn ra chậm chạp. Tuy Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định doanh nghiệp được trích tối 10% lợi nhuận trước thuế để lập Quỹ phát triển KH&CN, nhưng hầu hết doanh nghiệp của chúng ta vẫn chưa quan tâm và cũng chưa đầu tư. Chính vì vậy, chúng ta cần phải có chế tài đủ mạnh để buộc các doanh nghiệp phải trích một phần lợi nhuận của họ cho phát triển KH&CN. Những doanh nghiệp quá nhỏ có thể đóng góp cho Quỹ phát triển KH&CN của địa phương và quốc gia để quỹ này có được một nguồn lực đủ lớn cho phép tái đầu tư theo thứ tự ưu tiên, làm sao mỗi năm sẽ có một số doanh nghiệp được hỗ trợ để đổi mới công nghệ.

Chúng ta có thể mở rộng các phương thức đầu tư của doanh nghiệp dành cho KH&CN. Hiện nay, Chính phủ đã cho phép các tỉnh thành lập Quỹ phát triển KH&CN của mình, Nhà nước hỗ trợ vốn ban đầu để hoạt động và về lâu dài, quỹ phải tự bảo tồn và phát triển vốn. Nếu chúng ta buộc các doanh nghiệp phải trích 10% lợi nhuận trước thuế như trong Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định, chắc chắn chúng ta sẽ có một nguồn đầu tư lớn gấp đôi tiền ngân sách nhà nước đã đầu tư cho KH&CN. Tuy nhiên, để thuận lợi cho các doanh nghiệp sử dụng nguồn kinh phí cho việc đổi mới KH&CN, các cơ quan quản lý nên có các văn bản hướng dẫn dưới luật thật cụ thể và chi tiết.

Nhiều chuyên gia cũng cho rằng, để thúc đẩy quá trình đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, cần nhiều giải pháp mang tính đồng bộ, từ chính sách, tài chính đến truyền thông.

Giải pháp về chính sách: chúng ta cần đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách và thực hiện đồng bộ chúng, như: hoàn thiện nội dung Chương trình phát triển thị trường công nghệ đến

năm 2020; khẩn trương nghiên cứu xây dựng Kế hoạch phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn 2016-2020; xây dựng các giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận và ứng dụng tiến bộ công nghệ vào sản xuất của các doanh nghiệp vừa và nhỏ; sửa đổi và bổ sung Nghị định số 119/1999/NĐ-CP của Chính phủ về một số chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào KH&CN (như cho phép hỗ trợ tối đa từ ngân sách nhà nước trên 30% tổng kinh phí để thực hiện đề tài nghiên cứu của doanh nghiệp vừa và nhỏ)...

Giải pháp về truyền thông: tăng cường phổ biến thông tin về cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ; nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về sự cần thiết phải đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng lực của doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh và hội nhập quốc tế hiện nay; xây dựng cơ chế hỗ trợ tra cứu thông tin về KH&CN, về sở hữu trí tuệ để các doanh nghiệp tiếp cận dễ dàng hơn.

Bên cạnh đó, cần thường xuyên tổ chức các hội chợ công nghệ và thiết bị mang tầm quốc gia, vùng và địa phương, kể cả các sàn giao dịch công nghệ điện tử để phục vụ hiệu quả hơn nhu cầu kết nối cung cầu về công nghệ giữa các doanh nghiệp và các tổ chức KH&CN. Quỹ phát triển KH&CN quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia cần mở rộng các hình thức hỗ trợ, như hỗ trợ lãi suất vay, cho vay ưu đãi, bảo lãnh vốn vay để giúp doanh nghiệp xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ.

Tóm lại, để các doanh nghiệp Việt Nam đổi mới công nghệ thành công để sản xuất sản phẩm có chất lượng, có giá trị gia tăng cao, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, phụ thuộc rất nhiều vào sự quyết tâm của các doanh nghiệp cũng như sự tạo lập môi trường thể chế lành mạnh và minh bạch của Nhà nước. Chúng ta hy vọng vào một tương lai tươi sáng từ những nỗ lực vươn lên của chính mình để đạt được những mục tiêu, khát vọng đề ra trong thời gian tới.